

Bản án số: 48/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoài Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thái Cao Bình

2/ Ông Lê Quý Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 40/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2024 về việc: “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm Minh T** - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Bà **Đoàn Thụy Phương T** - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024, bản tự khai ngày 22/3/2024, biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Minh T trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Ông Phạm Minh T và bà Đoàn Thụy Phương T sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01 ngày 12/11/2009.

Từ khi kết hôn vợ chồng ông T, bà T đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, đời sống chung

không hòa hợp, bà T có quan hệ ngoại tình với người khác. Vì các con còn nhỏ nên ông T đồng ý tha thứ để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, bà T không thay đổi, đến năm 2022 bà T tiếp tục ngoại tình với người đàn ông khác, ông T chụp được những nội dung tin nhắn giữa bà T và người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra cãi vã. Tháng 9/2022, bà T chuyển ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng. Cũng từ tháng 9/2022, vợ chồng ông T, bà T đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thụy Phương T.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng ông T, bà T có 03 con chung là cháu Phạm Minh T sinh ngày 07/8/2007, cháu Phạm Anh T sinh ngày 06/9/2009 và cháu Phạm Anh T sinh ngày 25/11/2014. Hiện nay, các cháu Minh T, Anh T, Anh T đang ở cùng với ông T. Ông T yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 22/3/2024, biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2024 và tại phiên tòa, bị đơn bà Đoàn Thụy Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Phạm Minh T sống chung với nhau từ năm 2006 nhưng đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01 ngày 12/11/2009. Trong thời gian chung sống, vợ chồng bà T, ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã hòa giải nhưng không thể sống chung với nhau được, ông T thường xuyên đánh bà T nên bà T phải thuê nhà trọ ở riêng. Sau đó, ông T đã đưa người phụ nữ khác về sống chung nhà. Vợ chồng bà T, ông T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 và không ai quan tâm đến ai. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà T không đồng ý vì còn một số vấn đề chưa được giải quyết.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng bà T, ông T có 03 con chung là cháu Phạm Minh T sinh ngày 07/8/2007, cháu Phạm Anh T sinh ngày 06/9/2009 và cháu Phạm Anh T sinh ngày 25/11/2014. Hiện nay, các cháu Minh T, Anh T, Anh T đang ở cùng với ông T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng bà T ly hôn, bà T đồng ý giao cả 03 con cho ông T nuôi dưỡng, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Phạm Minh T và bà Đoàn Thụy Phương T đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn

nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con, cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 05/3/2024, ông Phạm Minh T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Đoàn Thụy Phương T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Ông Phạm Minh T và bà Đoàn Thụy Phương T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009 và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01 ngày 12/11/2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông T và bà T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không chung thủy với nhau. Từ tháng 9/2022, bà T đã thuê nhà trọ ở riêng. Vợ chồng ông T, bà T đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2022, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù, bà T không đồng ý ly hôn nhưng bà T không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng ông T vẫn kiên quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông Phạm Minh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: : Vợ chồng ông T, bà T có 03 con chung là cháu Phạm Minh T sinh ngày 07/8/2007, cháu Phạm Anh T sinh ngày 06/9/2009 và cháu Phạm Anh T sinh ngày 25/11/2014. Hiện nay, các cháu Minh T, Anh T, Anh T đang sống cùng với ông T, các cháu đều có nguyện vọng ở với ba, đồng thời bà T cũng đồng ý giao các con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T nên giao các cháu Minh T, Anh T, Anh T cho ông T nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông T và bà T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Phạm Minh T được ly hôn với bà Đoàn Thụy Phương T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Phạm Minh T sinh ngày 07/8/2007, cháu Phạm Anh T sinh ngày 06/9/2009 và cháu Phạm Anh T sinh ngày 25/11/2014 cho ông Phạm Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Ông T và bà T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Ông Phạm Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007622 ngày 07/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; ông Phạm Minh T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- UBND thị trấn Cam Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm